Unit 2: MAKING ARRANGEMTS (Speak)

1. Vocabulary:

kid (n): trẻ con

band (n): ban nhạc

cafe' (n): quán ăn tự phục vụ

concert (n): buổi hòa nhạc

2. Remember:

- You like it, **don't** you?

(tag- question: câu hỏi đuôi. Phần phía sau dấu phẩy đến dấu hỏi chấm được hiểu nghĩa: PHẢI KHÔNG dù ở khẳng định hay phủ định và bất kì chủ ngữ gì)

a. - S – V , đảo ngữ phủ định? (phải viết tắt khi phủ định)

b. - S … not V , đảo ngữ khẳng định?

Example:

1 -You are a student, aren't you?

2 -He goes to school every day, doesn't he?

3 -She is not a doctor, is she?

4 - They do not play video games, do they?

5 - Nam will go to school with his brother, won't he?

6 - Lan and Mai will not talk in class again, will they?

(Phải chuyển chủ ngữ ở phần câu hỏi đuôi sang đại từ nhân xưng, chú ý câu 5 và câu 6)

LIVEWORKSHEETS